

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	55%			
1	122230544	NGUYỄN NHẬT	BÁCH	K13KTR1	5.5			6		5.5		4.5	5.0	Năm	
2	122230599	PHAN CÔNG	LONG	K13KTR1	10			7		6		4	5.7	Năm phẩy Bảy	
3	132234801	HỒ TRỌNG	ĐỨC	K13KTR1	5.5			6		5		5	5.2	Năm phẩy Hai	
4	132234805	NGUYỄN HIẾU	ANH	K13KTR1	10			8.5		6.5		6	7.1	Bảy phẩy Một	
5	132234827	NGUYỄN VĂN	DƯƠNG	K13KTR1	8.5			6.5		6		6.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
6	132234834	NGUYỄN THANH	HÀ	K13KTR1	5.5			6.5		6		5.5	5.7	Năm phẩy Bảy	
7	132234835	PHAN MINH	HÀ	K13KTR1	10			7.5		6		5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
8	132234839	TRẦN QUANG	HẢI	K13KTR1	7			7		5		5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
9	132234842	TRẦN ĐÌNH	HIẾU	K13KTR1	7			7		7.5		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
10	132234844	NGUYỄN QUỐC	HOÀN	K13KTR1	5.5			6		6.5		4	4.9	Bốn phẩy Chín	
11	132234852	NGUYỄN PHÚ	HÙNG	K13KTR1	10			7		5.5		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
12	132234856	ĐẬU NGỌC	KHOA	K13KTR1	10			7.5		6		6	6.8	Sáu phẩy Tám	
13	132234859	TRỊNH XUÂN	KIÊN	K13KTR1	8.5			7.5		5.5		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
14	132234862	NGÔ TÙNG	LINH	K13KTR1	7			7.5		5.5		4	5.2	Năm phẩy Hai	
15	132234868	NGUYỄN HOÀNG	LONG	K13KTR1	10			7.5		8.5		7.5	8.0	Tám	
16	132234873	NGUYỄN ĐỨC	LUÂN	K13KTR1	8.5			7.5		8.5		5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
17	132234875	PHAN VĂN	NAM	K13KTR1	10			8.5		8.5		8	8.5	Tám phẩy Năm	
18	132234879	LÊ TRƯỜNG	DUY	K13KTR1	7.5			6		6		5.5	6.0	Sáu	
19	132234881	NGUYỄN LÊ	HẰNG	K13KTR1	10			8		7		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
20	132234883	TRẦN THANH	PHONG	K13KTR1	7			7.5		7		5	6.0	Sáu	
21	132234888	HOÀNG VĂN	QUANG	K13KTR1	7			7		5		5	5.6	Năm phẩy Sáu	
22	132234891	PHẠM VĂN	QUỐC	K13KTR1	10			6.5		5.5		6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
23	132234894	NGUYỄN VĂN TIẾN SỸ		K13KTR1	7			7		5.5		4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
24	132234898	DƯƠNG THỊ MINH	PHƯƠNG	K13KTR1	5.5			7		7		5	5.7	Năm phẩy Bảy	
25	132234901	NGUYỄN BÁ	THẮNG	K13KTR1	7			7		5.5		6	6.2	Sáu phẩy Hai	
26	132234903	PHẠM CÔNG	THẮNG	K13KTR1	10			7.5		5.5		6	6.8	Sáu phẩy Tám	
27	132234906	HOÀNG VĂN	THÀNH	K13KTR1	10			7.5		6		4.5	6.0	Sáu	
28	132234909	NGUYỄN CÔNG	THẢO	K13KTR1	5.5			6		6.5		4	4.9	Bốn phẩy Chín	
29	132234914	HOÀNG THỊ THANH	TÂM	K13KTR1	8.5			7		6.5		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
30	132234915	TRỊNH THỊ ANH	THÚ	K13KTR1	8.5			7.5		7.5		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
31	132234918	ĐÀO XUÂN	TIẾN	K13KTR1	10			8		6.5		5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
32	132234922	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	K13KTR1	10			7		7.5		5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
33	132234929	VĂN BÁ	TRUỒN	K13KTR1	8.5			7.5		5.5		5	6.0	Sáu	
34	132234932	NGUYỄN MINH	TUẤN	K13KTR1	7			7.5		5		5.5	6.0	Sáu	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	55%				
35	132234935	LŨ THANH	TÙNG	K13KTR1	10			8		7		4.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
36	132234941	PHAN VĂN	VIỆT	K13KTR1	7			6		5.5		5.5	5.8	Năm phẩy Tám	
37	132234942	LÂM VĂN	VŨ	K13KTR1	10			7.5		7.5		5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
38	111260527	NGUYỄN THANH	HÒA	K13KTR2	5.5			6		5		3	0.0	Không	
39	111260668	NGUYỄN THANH	VĨNH	K13KTR2	2			0		4.5		3	0.0	Không	
40	112230599	ĐẶNG HỒNG	QUANG	K13KTR2	0			0		0		HP	0.0	Không	NỢ HP
41	122230536	VÕ CÔNG	ĐỊNH	K13KTR2	7			7		6		5.5	6.0	Sáu	
42	122230581	NGUYỄN HẢI	HƯNG	K13KTR2	8.5			7.5		5.5		7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
43	122230606	PHẠM MINH	MÃN	K13KTR2	3			5		5		3.5	0.0	Không	
44	122230629	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K13KTR2	4			5.5		0		4.5	3.9	Ba phẩy Chín	
45	122230676	NGUYỄN ANH	TUẤN	K13KTR2	5.5			6.5		6		3.5	0.0	Không	
46	132234802	ĐỖ THÀNH KHẢ	ÂN	K13KTR2	10			8		6		7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
47	132234806	NGUYỄN THẾ	ANH	K13KTR2	5.5			5.5		6		5	5.3	Năm phẩy Ba	
48	132234809	VŨ DUY	BẢO	K13KTR2	7			7.5		6		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
49	132234813	NGUYỄN ĐỨC	CHIẾN	K13KTR2	10			7.5		6		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
50	132234816	ĐỖ TRÍ	ĐẠI	K13KTR2	5.5			6		4		4	4.5	Bốn phẩy Năm	
51	132234821	TRẦN NGỌC	DÔN	K13KTR2	8.5			7		7		8	7.8	Bảy phẩy Tám	
52	132234825	NGUYỄN THANH	DŨNG	K13KTR2	8.5			7.5		7		5.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
53	132234828	PHẠM HẢI	DƯƠNG	K13KTR2	0			5.5		3.5		2.5	0.0	Không	
54	132234831	ĐẶNG LÊ	HÀ	K13KTR2	10			7.5		6		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
55	132234838	NGUYỄN LONG	HẢI	K13KTR2	3			5		5		2.5	0.0	Không	
56	132234840	TRẦN XUÂN	HẠNH	K13KTR2	10			7		7		7	7.5	Bảy phẩy Năm	
57	132234843	NGUYỄN THANH	HIỀN	K13KTR2	8.5			7.5		7		6.5	7.0	Bảy	
58	132234847	PHẠM VĂN	HOÀN	K13KTR2	10			6		5.5		7	7.1	Bảy phẩy Một	
59	132234850	DƯƠNG VIỆT	HÙNG	K13KTR2	6.5			7		6.5		4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
60	132234855	THÁI THỊ THANH	HUYỀN	K13KTR2	9			8.5		6		5	6.3	Sáu phẩy Ba	
61	132234857	NGUYỄN MINH	KHÔI	K13KTR2	8.5			6		6.5		4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
62	132234863	NGUYỄN THẾ	LINH	K13KTR2	10			7		5.5		5	6.1	Sáu phẩy Một	
63	132234870	NGUYỄN PHƯỚC	LONG	K13KTR2	9.5			8		8		5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
64	132234874	VÕ XUÂN	MINH	K13KTR2	10			7.5		6.5		5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
65	132234877	ĐỖ PHỤNG TRANG	ĐÀI	K13KTR2	8.5			8		6		5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
66	132234885	BÙI VĂN	HIẾU	K13KTR2	7			7.5		6.5		5	5.9	Năm phẩy Chín	
67	132234886	LÊ CÔNG	HUÂN	K13KTR2	6.5			7		6.5		3	0.0	Không	
68	132234889	LÊ THANH	QUANG	K13KTR2	5.5			6		5		5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
69	132234892	PHẠM CÔNG	QUỲNH	K13KTR2	8.5			6.5		6		6	6.5	Sáu phẩy Năm	

Thời gian : 18h00 - 29/11/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	55%			
70	132234895	LÊ CÔNG TÂM	K13KTR2	10			7.5		6		7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
71	132234904	NGUYỄN QUANG THANH	K13KTR2	3			5.5		5		3	0.0	Không	
72	132234910	TRẦN ĐỨC THIỆP	K13KTR2	10			7		5.5		6.5	7.0	Bảy	
73	132234913	TRẦN QUANG THỊNH	K13KTR2	10			7.5		6		5	6.3	Sáu phẩy Ba	
74	132234917	HOÀNG THỊ HUỖN THỦY	K13KTR2	10			8.5		7.5		8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
75	132234919	VŨ VĂN TIẾN	K13KTR2	8.5			7.5		6.5		6.5	7.0	Bảy	
76	132234920	PHẠM THANH VIỆT	K13KTR2	8			7		6		5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
77	132234924	NGÔ VĂN TRUNG	K13KTR2	9.5			7.5		6		6	6.8	Sáu phẩy Tám	
78	132234940	LÊ VĂN VIỆT	K13KTR2	8.5			7.5		5		5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
79	132234943	NGUYỄN DUY VŨ	K13KTR2	8.5			7.5		5		5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
80	132234948	NGUYỄN THỊ HOÀN HIỆP	K13KTR2	10			7		8		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
81	132234951	NGUYỄN TÀI HỒNG	K13KTR2	10			8		6		7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
82	111260533	VÕ QUANG HUY	K13KTR3	4			5.5		5.5		4.5	4.7	Bốn phẩy Bảy	
83	111260565	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	K13KTR3	3			5.5		5		2.5	0.0	Không	
84	111260686	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	K13KTR3	5.5			7		7.5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
85	112230643	VŨ XUÂN TRUỒN	K13KTR3	4			5.5		5		4	4.4	Bốn phẩy Bốn	
86	112230658	ĐÀO VŨ NGỌC TÚ	K13KTR3	4			5.5		5		5.5	5.2	Năm phẩy Hai	
87	122230550	NGUYỄN TÚ CƯỜNG	K13KTR3	8.5			6.5		5.5		7	6.9	Sáu phẩy Chín	
88	122230576	NGUYỄN ĐẮC HIẾU	K13KTR3	2			0		4		V	0.0	Không	
89	122230595	VŨ HỮU KÍNH	K13KTR3	7			8		7		5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
90	122230597	PHẠM NGỌC LINH	K13KTR3	5.5			6.5		7		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
91	122230649	NGUYỄN BÁ THẠCH	K13KTR3	7			6.5		6.5		6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
92	132234811	TƯỜNG THỊ HẢI BÌNH	K13KTR3	10			8		8		8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
93	132234815	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	K13KTR3	8.5			8		8		8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
94	132234823	PHẠM PHƯƠNG ĐÔNG	K13KTR3	10			8.5		6.5		9.5	9.0	Chín	
95	132234826	NGUYỄN THẾ DUY	K13KTR3	7.5			7.5		6.5		7	7.1	Bảy phẩy Một	
96	132234830	VÕ ĐỨC DUY	K13KTR3	10			7.5		6.5		6	6.9	Sáu phẩy Chín	
97	132234833	ĐỖ THỊ HÀ	K13KTR3	8.5			8		7		6	6.8	Sáu phẩy Tám	
98	132234836	TRẦN THỊ NGỌC HÀ	K13KTR3	8.5			8.5		9		6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
99	132234837	DƯƠNG VŨ HẢI	K13KTR3	4			6		5.5		4.5	4.8	Bốn phẩy Tám	
100	132234845	HỒ XUÂN HÒA	K13KTR3	10			7.5		5.5		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
101	132234849	HÀ BÍCH HỒNG	K13KTR3	8.5			8		8.5		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
102	132234858	NGUYỄN GIANG KHÚC	K13KTR3	8.8			7.5		6		7	7.2	Bảy phẩy Hai	
103	132234861	TRƯƠNG VĂN LỢI	K13KTR3	8.5			7.5		7		6.5	7.0	Bảy	
104	132234864	NGUYỄN VĂN LINH	K13KTR3	5.5			6		6.5		6	6.0	Sáu	

Thời gian : 18h00 - 29/11/2011

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	F			
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	55%	SỐ	CHỮ	
105	132234871	NGUYỄN TRỌNG LONG	K13KTR3	7			7		6.5		6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
106	132234876	TRẦN MẠNH	K13KTR3	10			7.5		7.5		7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
107	132234878	ĐOÀN THỊ BÍCH NGỌC	K13KTR3	10			8.5		8		7.5	8.1	Tám phẩy Một	
108	132234887	TRẦN VĂN QUÂN	K13KTR3	10			8		7		6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
109	132234896	BÙI THỊ KIỀU LY	K13KTR3	10			8		9		6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
110	132234897	NGÔ LÊ DẠ NHI	K13KTR3	10			8.5		8		7	7.8	Bảy phẩy Tám	
111	132234905	ĐỖ KIM NHẬT THÀNH	K13KTR3	10			7.5		6		6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
112	132234911	ĐOÀN QUỐC THỊNH	K13KTR3	10			7.5		6		5	6.3	Sáu phẩy Ba	
113	132234916	NGUYỄN ĐĂNG THUỖN	K13KTR3	7			7.5		7.5		7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
114	132234921	HOÀNG ĐỨC TÌNH	K13KTR3	4			6		5.5		5	5.1	Năm phẩy Một	
115	132234927	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	K13KTR3	7			6.5		7		6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
116	132234930	HOÀNG ANH TÚ	K13KTR3	10			7.5		7		6	7.0	Bảy	
117	132234936	TRẦN NGỌC TƯỜNG	K13KTR3	8.5			7.5		7.5		6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
118	132234937	HOÀNG THỊ NGỌC VÂN	K13KTR3	7			7.5		8		7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
119	132234939	DƯƠNG THẾ VĂN	K13KTR3	7			5.5		6		7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
120	132234944	TRƯƠNG QUANG ANH	K13KTR3	7			6.5		7		5	5.8	Năm phẩy Tám	
121	132234949	BÙI VĂN HIỆU	K13KTR3	7			7.5		7.5		6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
122	132234950	LÊ THỊ HOA	K13KTR3	8.5			8		7.5		7	7.5	Bảy phẩy Năm	
123	132234954	ĐOÀN THANH TÙNG	K13KTR3	8.5			7.5		8		6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
1	0580	LÊ HỮU NHỰT	K11KTR3	5.5			6		6		5	5.0	Năm	15343/307
2	0627	PHẠM HỮU TIỆP	K11KTR2	5			6.5		6		6.5	6.0	Sáu	21980

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	113	90%	
2	Số sinh viên nợ	12	10%	
	TỔNG CỘNG :	125	100%	

Đà Nẵng, 07/12/2011

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(Ký và ghi rõ họ tên)

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

VUU HỮU THANH

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ